

CÔNG TY CP
CẢNG VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /CV-CVL.2024
(V/v niêm yết giá dịch vụ tại cảng biển Vĩnh Long)

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:

- Cục Hàng hải Việt Nam
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.



Căn cứ Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 2/11/2016 của Chính phủ về Quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển;

Căn cứ Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long gửi đăng ký thông tin niêm yết giá và bảng niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại cảng biển Vĩnh Long. (Đính kèm).

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 01/03/2024.

Công ty Cổ phần Cảng Vĩnh Long xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu: VT.



PHÓ GIÁM ĐỐC


Lê Văn Thảo

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo công văn số 10/CV-CVL.2024 ngày 28/02/2024
của công ty cổ phần Cảng Vĩnh Long)

----- o O o -----

Kính gửi:

- Cục Hàng hải Việt Nam
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp.

1. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG.

- Tàu thủy, phương tiện thủy nội địa, chủ hàng, khách hàng trong nước hoạt động vận tải hàng hóa (kể cả container) vận chuyển giữa các cảng biển Việt Nam, hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua cảng biển Cảng Vĩnh Long mà các dịch vụ do khách hàng, chủ hàng, chủ phương tiện, đại lý hàng hải hoặc người được ủy thác thanh toán là doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân trong nước chịu trách nhiệm thanh toán tiền dịch vụ.

- Các tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng hóa giữa các cảng biển, bến, cảng thủy nội địa bên trong lãnh thổ Việt Nam không phân biệt tàu, phương tiện thủy Việt Nam hay tàu, phương tiện thủy nước ngoài đến và đi có thực hiện giao dịch thông qua hàng hóa neo đậu hoặc thực hiện các dịch vụ hàng hải khác tại Cảng Vĩnh Long.

- Hàng hóa các loại, container nội địa, hàng xuất khẩu, hàng chuyển khẩu mà hợp đồng vận tải có quy định giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam do chủ hàng là người thanh toán.

- Giá áp dụng trong giờ làm việc bình thường tại cảng (Ngày nghỉ lễ , ngày tết nếu vì công việc đặc biệt khách hàng cần thiết đáp ứng cho nhu cầu sản xuất thì hai bên phải thương lượng theo đơn giá phù hợp (để bù đắp tiền công cho người lao động đồng ý vào làm đúng theo luật lao động và những chi phí khác).

- Các chủ phương tiện đến vào cặp cảng giao nhận và vận chuyển hàng hóa thông qua Cảng, đường nội bộ phải nộp phí dịch vụ duy tu, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường tính theo lượt (vào và ra khỏi cảng).

2. BIỂU PHÍ XẾP DỠ CONTAINER :

2.1 Container có hàng :

Bảng 1

Đơn vị tính: VNĐ/container

Phương án làm hàng	Container 20feet	Container 40feet	Container trên 40feet
Sà lan lên Bãi (và ngược lại)	427.000	627.000	818.000
Sà lan – sà lan,xe(và ngược lại)	384.000	564.000	846.000

-Bốc xếp đảo container từ hầm này sang hầm khác trong cùng sà lan (không qua cầu cảng) bằng 90% đơn giá tác nghiệp: Sà lan vào bãi Bên A.

-Bốc xếp dịch chuyển container cùng một sà lan (từ sà lan lên cầu cảng và ngược lại) tính bằng 100% đơn giá tác nghiệp: Sà lan vào bãi bên A.

-Bốc xếp dịch chuyển container khác sà lan (từ sà lan lên cầu cảng và chuyển qua sà lan khác) tính bằng 150% đơn giá tác nghiệp: Sà lan vào bãi bên A.

2.2.Container không hàng (Rỗng)

Bảng 2:

Đơn vị tính: VNĐ/container

Phương án làm hàng	Container 20feet	Container 40feet	Container trên 40feet
Sà lan lên Bãi (và ngược lại)	218.000	331.000	498.000
Sà lan – sà lan,xe(và ngược lại)	196.000	298.000	448.000

-Bốc xếp đảo container rỗng trên xe (theo yêu cầu nếu có) bằng 90% đơn giá tác nghiệp: Sà lan vào bãi Bên A.

2.3 Giá cước lưu tại bãi bên A:

Bảng 3:

Đơn vị tính: VNĐ/container

Loại container	20'	40'
Container thường, có hàng	20.200đ/cont/ngày	28.300đ/cont/ngày

Container thường, không hàng	11.000đ/cont/ngày	18.600đ/cont/ngày
------------------------------	-------------------	-------------------

-Phí Container lưu tại bãi Bên A sẽ được tính từ ngày thứ 05 trở đi, căn cứ theo biên bản xuất nhập cont có ký xác nhận 2 bên (áp dụng cho khách hàng đang ký hợp đồng xếp dỡ container với CVL), ngoài trường hợp trên, thời gian tính giá lưu bãi theo thời gian thực tế lưu tại bãi .

3. BIỂU PHÍ XẾP DỠ HÀNG RỜI.

-Thực hiện xếp dỡ bằng cần cầu cạp bờ:

Bảng 4:

Đơn vị tính: VNĐ

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Mức tối thiểu	Mức tối đa
1. Cát, đá, bột đá VLXD	Đồng/tấn	16.000	20.000
2. than cám, clinker	Đồng/tấn	18.000	24.000
3. nguyên liệu Bã,sắn, bắp... thức ăn chăn nuôi	Đồng/tấn	19.000	22.000

4. BIỂU PHÍ XẾP DỠ HÀNG BAO.

-Thực hiện xếp dỡ bằng cần cầu cạp bờ:

Bảng 5:

Đơn vị tính: VNĐ

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Mức tối thiểu	Mức tối đa
1. Xi măng (kiện 2 tấn : 40 bao x 50 kg)	Đồng/tấn	28.000	32.000
2. Xi măng (xe nâng – kho)	Đồng/tấn	16.000	20.000
3.Muối (kiện 1 tấn : 20 bao x 50 kg)	Đồng/tấn	26.400	32.000
4. Muối (xe nâng cảng – kho)	Đồng/tấn	11.000	13.000
4. Gạo, nông sản (40 bao x 25 kg)	Đồng/tấn	20.000	25.000

5.BIỂU PHÍ XẾP DỠ HÀNG CÙ CỘC BÊ TÔNG :

-Thực hiện xếp dỡ bằng cần cầu bờ.

Bảng 6:

Đơn vị tính: VNĐ

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Mức tối thiểu	Mức tối đa
1. Cọc , cừ bê tông đúc sẵn, cột điện	Đồng/tấn	30.000	35.000
2. Máy móc thiết bị có trọng lượng nặng, hàng công kênh	Đồng/tấn	Theo thỏa thuận	Theo thỏa thuận

6.BIỂU PHÍ GIÁ CÂN HÀNG HÓA:

Bảng 7:

Đơn vị tính: VNĐ

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Mức tối thiểu	Mức tối đa
Cân hàng tính trọng lượng hàng (hàng rời)	Đồng/tấn	2.200	3.300
Cân rác thải đặc biệt 24/24	Đồng/tấn	5.500	7.700

7.BIỂU PHÍ GIÁ CHO THUÊ KHO BÃI, VĂN PHÒNG LÀM VIỆC.

Bảng 8:

Đơn vị tính: VNĐ

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Mức tối thiểu	Mức tối đa
1.Thuê kho lưu hàng (tùy theo từng vị trí kho)	Đồng/m2/tháng	35.000	55.000
2. thuê bãi chứa hàng (tùy theo từng vị trí bãi)	Đồng/m2/tháng	18.500	22.000
3. Thuê Văn Phòng (tính theo m ² và vị trí)	Đồng/m2/tháng	Giá thỏa thuận	Giá thỏa thuận

8. BIỂU PHÍ XE ĐẠU QUA ĐÊM, THÁNG TRÊN BẾN CẢNG :

Bảng 9:

Đơn vị tính: VNĐ

Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Mức tối thiểu	Mức tối
--------------	-------------	---------------	---------

			đa
1. Xe loại 02 chân	Lượt/ tháng	300.000	400.000
2. Xe loại 03 chân – 04 chân	Lượt/ tháng	400.000	500.000
3. Xe đầu kéo	Lượt/ tháng	500.000	600.000

Công ty Cổ Phần Cảng Vĩnh Long cam kết về việc các dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các qui định về khai thác, kinh doanh dịch vụ tương ứng: đã hiểu rõ các hành vi cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh.

Công ty Cổ Phần cảng Vĩnh Long xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG VĨNH LONG

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Thảo

